

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 23-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phước Tường.

2/ Ông Võ Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2024/TLST-HS ngày 27/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 16/01/1994 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD số 082094011648; Nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị B; Có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến ngày phạm tội; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/8/2024 đến ngày 13/8/2024; tạm giam từ ngày 13/8/2024 đến cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Lê Văn P** (Tên gọi khác: P1), sinh ngày 21/02/1998 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD số 082098007587; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S1 và bà Nguyễn Thị Bé T ; Chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến ngày phạm tội; bị bắt, tạm giữ

từ ngày 11/8/2024 đến ngày 13/8/2024; tạm giam từ ngày 13/8/2024 đến cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Lê Văn P2**, sinh ngày 26/01/2002 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD số 082202011576; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Út E và bà Nguyễn Kim N; Có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến ngày phạm tội; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/8/2024 đến ngày 13/8/2024; tạm giam từ ngày 13/8/2024 đến cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Trần Huy B1**, sinh ngày 25/02/1994 tại tỉnh Tiền Giang; CCCD số 082094001890; Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị H1; Có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc 12 tháng theo Quyết định số 78 ngày 19/9/2019, chấp hành xong ngày 03/11/2020; bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/8/2024 đến ngày 13/8/2024; tạm giam từ ngày 13/8/2024 đến cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Anh **Phạm Minh T1**, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Anh **Huỳnh Hữu K**, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Huỳnh Hữu T2**, sinh năm 1987. Địa chỉ: số B, đường Đ, khóm C, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

2. Chị **Lê Thị Bé L**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt).

3. Chị **Ngô Thị Trúc P3**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

4. Chị **Đặng Trinh N1**, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S, Lê Văn P2, Lê Văn P và Trần Huy B1 là bạn bè chơi chung. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2024 đến ngày 08/8/2024, S, P2, P và B1 đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp bình ắc quy trên địa bàn các xã A và xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất:

Khoảng 21 giờ ngày 24/7/2024, Trần Huy B1 và Lê Văn P đến nhà của Lê Văn P2 ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang chơi, tại đây có Nguyễn Văn S là anh rể cùng sống chung với P2, cả 04 người cùng bàn bạc và thống nhất đi tìm bình ắc quy để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, trước khi đi B1 chuẩn bị 01 cái mỏ lách và 01 chìa khóa 13. Sau đó S điều khiển xe máy hiệu Raider biển số 65D1 – 451.62 của chị Lê Thị Bé L, sinh năm 1999, thường trú ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vợ S) chở P, còn B1 điều khiển xe máy hiệu Airblade màu xanh biển số 63D1 – 272.44 của chị Ngô Thị Trúc P3, sinh năm 1995, thường trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vợ B1) chở P2 đi đến xã T. Khi cả nhóm đi đến đoạn đường thuộc ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, P2 và B1 nhìn thấy có các xe công trình (gồm 02 xe lu, 02 xe chở đất, 01 xe ủi đất) của anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1974, thường trú ấp D, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang đậu cặp đường chờ thi công đường T, không có người trông giữ nên B1 kêu S, P3 chạy xe ra phía cầu ngang Kinh Cùng cách 150 mét để canh gác, còn B1 và P2 sẽ đi vào trộm cắp bình ắc quy. Để thực hiện hành vi trộm cắp, B1 dùng chìa khóa 13 mở các cọc của bình ắc quy ra khỏi các xe công trình rồi P2 lấy bình ắc quy ra khỏi xe, cứ như vậy B1 và P2 đã trộm cắp 08 bình ắc quy trên 05 xe công trình gồm 02 (hai) bình ắc quy màu đen, loại 12V - 50Ah (không rõ nhãn hiệu) trên xe ủi đất; 02 bình ắc quy Đồng Nai N, loại 12V – 70Ah, màu đen gắn trên 02 chiếc xe lu (mỗi xe 01 bình); 02 bình ắc quy Đồng Nai N, loại 12V – 70Ah, màu đen gắn trên xe chở đất; 01 (một) bình ắc quy Đồng Nai N, loại 12V – 70Ah, màu đen và 01 bình ắc quy Đồng Nai N, loại 12V – 100Ah, màu đen gắn trên xe chở đất. Sau khi B1 và P2 trộm xong thì S và P3 điều khiển xe quay lại chở 08 bình ắc quy, S chở P2 ôm 03 bình ắc quy còn P3 chở B1 ôm 05 bình ắc quy chạy về nhà của P2 cất giấu.

Khoảng hơn 22 giờ, ngày 24/7/2024, Nguyễn Văn S điện thoại cho Huỳnh Hữu T2, sinh năm 1987, thường trú số 29B Đ, khóm C, phường H, TP ., tỉnh Vĩnh Long là chủ cửa hàng ắc quy “Hữu Tài” để bán các bình ắc quy vừa trộm được, T2 không biết do các bị can trộm cắp mà có. Đến khoảng 08 giờ ngày 25/07/2024, T2 đến nhà P2 mua 08 bình ắc quy giá 2.400.000 đồng, S chia đều cho mỗi người 600.000 đồng, S, B1, P3 và P2 đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 75/KLĐG-TTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

- 02 (hai) bình ắc quy không rõ nhãn hiệu, màu đen, loại 12V-50Ah trị giá 1.600.000 đồng.

- 02 (hai) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai N (12V-70Ah), màu đen trị giá 3.060.000 đồng.

- 02 (hai) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai N (12V-70Ah), màu đen trị giá 3.332.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai N (12V-70Ah), màu đen trị giá 1.530.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy, nhãn hiệu Đồng Nai N (12V-100Ah), màu đen trị giá 1.980.000 đồng.

Tổng giá trị: 11.502.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Đối với 08 bình ắc quy, sau khi anh Huỳnh Hữu T2 mua đã bán cho người không rõ họ tên địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M yêu cầu các bị can bồi thường giá trị 08 bình ắc quy theo kết luận là 11.502.000 đồng, các bị can đã tác động gia đình bồi thường cho anh M 11.502.000 đồng, anh M không yêu cầu bồi thường thêm.

- Vụ thứ hai:

Khoảng 20 giờ ngày 05/8/2024, Trần Huy B1 và Lê Văn P đến nhà của Lê Văn P2 và Nguyễn Văn S ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang chơi, lúc này P rủ S, P2, B1 đi trộm bình ắc quy thì S, P2, B1 đồng ý, trước khi đi B1 chuẩn bị 01 cái mỏ lếch và 01 chìa khóa 13. Sau đó, P điều khiển xe máy hiệu Winer X, màu đen không rõ biển số của người tên L1 (không rõ họ địa chỉ) chở S, còn B1 điều khiển xe Wave biển số 63F7 – 7400 của chị Đặng Trinh N1, sinh năm 1999, thường trú ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vợ P2) chở P2 đi đến xã A. Khi cả nhóm đi đến đoạn đường thuộc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cả nhóm nhìn thấy có 01 xe cuốc của anh Phạm Minh T1, sinh năm 2000, thường trú ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An đang đậu cặp đường đàng nông thôn để chờ thi công không có người trông giữ, nên S điều khiển xe Wave biển số 63F7 – 7400, còn P điều khiển xe Winer X không rõ biển số chạy ra phía cầu ngang Chùa Bà cách vị trí xe cuốc 120 mét để canh gác còn P2, B1 ở lại trộm cắp bình ắc quy. Để trộm bình ắc quy, B1 leo lên xe cuốc mở nắp thùng rồi dùng chìa khóa 13 mở 02 cọc của bình ắc quy GS DIN70L-LBN (12V-70Ah) thân bình, nắp bình màu đen và 02 cọc của bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai N (12V-100Ah), thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh trên xe cuốc, mở xong B1 lấy bình ắc quy ra khỏi xe rồi đưa P2 để xuống gốc cột điện cạnh xe cuốc. Sau khi B1 và P2 trộm xong thì P và S quay lại, P điều khiển xe Winer X chở S ôm 02 bình ắc quy, còn B1 chở P2 trên xe Wave chạy về nhà của P2 cất giấu 02 bình ắc quy trộm được.

Đến khoảng 11 giờ ngày 06/8/2024, Nguyễn Văn S chở 02 bình ắc quy trộm được đến tiệm của anh Huỳnh Hữu T2 ở khóm C, phường H, TP . bán cho anh T2 với giá 900.000 đồng, T2 không biết do các bị can trộm cắp mà có. S chia cho P2, B1 và P, mỗi người 200.000 đồng còn S được 300.000 đồng, các bị can đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 76/KLĐG-TTHS ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

- 01 (một) bình ắc quy GS DIN70L-LBN (12V-70Ah) màu đen trị giá 1.487.500 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai N100 (12V-100Ah) màu trắng trị giá 1.870.000 đồng.

Tổng giá trị: 3.357.500 đồng.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) bình ắc quy GS DIN70L-LBN (12V-70Ah) thân bình, nắp bình màu đen.

- 01 (một) bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai N100 (12V-100Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh.

Đối với xe máy Winer X, màu đen không rõ biển số do P mượn của người bạn tên L1 (không rõ họ địa chỉ), sau khi trộm xong P đã trả lại cho L1 nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Xử lý vật chứng: Ngày 24/10/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 bình ắc quy nêu trên cho anh Phạm Minh T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Minh T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị can bồi thường.

- Vụ thứ ba:

Khoảng 22 giờ ngày 08/8/2024, Trần Huy B1 và Lê Văn P đến nhà của Lê Văn P2 chơi, lúc này Nguyễn Văn S rủ P2, P, B1 đi trộm bình ắc quy để bán lấy tiền tiêu xài thì cả 3 đồng ý, trước khi đi trộm B1 đem theo 02 chìa khóa 13 và 01 cái mở lách. Sau đó P2 điều khiển xe Wave biển số 63F7 – 7400 của chị Đặng Trinh N1 chở B1, còn P điều khiển xe Raider biển số 65D1 – 451.62 của chị Lê Thị Bé L chở S đi đến xã A. Khi cả nhóm đi đến đoạn đường thuộc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cả nhóm nhìn thấy 03 xe công trình gồm: 01 xe lu, 01 xe cuốc và 01 xe ủi của anh Huỳnh Hữu K, sinh năm 1986, thường trú ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đang thi công đoạn đường B - Bia C đầu cặp đường không có người trông giữ nên S, P2 đầu xe đứng canh gác còn B1, P đi đến vị trí xe lu. B1 dùng tay vặn ốc mở ốp phía bên trái xe lu rồi dùng chìa khóa 13 mở ốc của 02 cọc bình ắc quy hiệu GS N100 (12V-100Ah) màu trắng xanh, mở xong P lấy bình ắc quy ra khỏi xe lu, sau đó cả hai đi đến vị trí xe ủi P dùng tay đẩy phần ghế ngồi xe ủi lên để cho B1 dùng chìa

khóa 13 mở 02 cọc của bình ắc quy hiệu GS N100 (12V-100Ah) màu trắng xanh gắn phía dưới ghế ngồi, khi B1 mở xong thì P lấy bình ắc quy ra khỏi xe ủi. Lúc này B1 và P nhìn thấy trên chiếc xe cuốc còn có 02 bình ắc quy bị hàn thanh sắt nên P và S đem 02 bình ắc quy vừa trộm được về nhà của P2 cất giấu, riêng P chờ B1 đi về nhà trọ của B1 lấy thêm 01 cây kèm bấm để quay lại trộm 02 bình ắc quy bị hàn thanh sắt trên xe cuốc.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 09/08/2024 cả nhóm tiếp tục quay lại chỗ các xe công trình trên, S và P2 đứng ngoài xe canh gác còn B1, P đi đến xe cuốc, B1 dùng mỏ lách bẻ gãy khoen ổ khóa của nắp đựng bình ắc quy rồi P dùng tay mở nắp đây lên, B1 dùng kiềm bấm bẻ gãy thanh sắt phía trên bình ắc quy, bẻ xong B1 dùng chìa khóa 13 mở 02 cọc của bình ắc quy hiệu GS N70 (12V-70Ah) màu trắng xanh và 02 cọc của bình ắc quy hiệu Đồng Nai N (12V-50Ah) màu trắng đen, sau đó B1 lấy 02 bình ắc quy ra khỏi xe cuốc để xuống bánh xích xe rồi P và S đem 02 bình ắc quy vừa trộm được về nhà P2 cất giấu. Khoảng 07 giờ ngày 09/8/2024, anh Lê Nguyễn Minh Q là nhân viên thi công công trình phát hiện bị mất 04 bình ắc quy trên các xe công trình nên trình báo Công an xã A. Qua xác minh làm việc thì S, P2, P và B1 thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 50/KLĐG-TTHS ngày 10/08/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C xác định:

- 01 (một) bình ắc quy GS N100 (12V – 100Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh, mã D613093310602 trị giá 1.980.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy GS N100 (12V – 100Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh, mã D604073210393 trị giá 1.980.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy Đồng Nai N (12V – 50Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu đen trị giá 1.080.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy GS N70 (12V – 70Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh trị giá 1.440.000 đồng.

Tổng giá trị: 6.480.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 01 (một) bình ắc quy GS N100 (12V – 100Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh.

- 01 (một) bình ắc quy GS N100 (12V – 100Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh.

- 01 (một) bình ắc quy Đồng Nai N (12V – 50Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu đen.

- 01 (một) bình ắc quy GS N70 (12V – 70Ah) thân bình màu trắng, nắp bình màu xanh.

- 02 chìa khoá (cờ lê) 13 là công cụ thực hiện 03 vụ trộm.

Đối với 01 cây kiếm bầm, 01 cái mỏ lếch là công cụ thực hiện 03 vụ trộm bị can B1 khai nhận sau khi trộm xong đã đem về nhà trọ cất, tuy nhiên sau đó bị mất, không biết ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Các bị can Nguyễn Văn S, Trần Huy B1 và Lê Văn P2 đã sử dụng các xe máy biển số 65D1-451.62 của chị Lê Thị Bé L, xe máy biển số 63D1-272.44 của chị Ngô Thị Trúc P3 và xe máy biển số 63F7- 7400 của chị Đặng Trinh N1 làm phương tiện đi trộm cắp. Tuy nhiên, chị L, chị P3, chị N1 không biết việc các bị can sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe.

Xử lý vật chứng: Ngày 13/8/2024, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Huỳnh Hữu K 04 bình ắc quy. Hiện còn đang tạm giữ 02 chìa khoá (cờ lê) 13 chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Hữu K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị can bồi thường.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKSHCB ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè truy tố bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn P, Lê Văn P2 và Trần Huy B1 về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P2 mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Huy B1 mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ 02 chìa khoá (Cờ lê) 13

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn P, Lê Văn P2 và Trần Huy B1 đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, nên có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2024 đến ngày 08/8/2024, các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn P2, Lê Văn P và Trần Huy B1 đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp bình ắc quy trên địa bàn các xã A và xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, sau đó thì bị phát hiện.

Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án; Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá xác định là 21.339.500 đồng. Do vậy, có đủ căn cứ để tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn P, Lê Văn P2 và Trần Huy B1 đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, trực tiếp gây hậu quả về mặt vật chất và tinh thần đối với người bị hại, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện để thoả mãn nhu cầu cá nhân, điều này cho thấy cáo bị cáo xem thường pháp luật, do vậy cần phải xử phạt mỗi bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo trở thành người tốt. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo thì cần được xác định như sau: Bị cáo S và P là người khởi xướng, rủ rê trong 02 lần đi trộm cắp tài sản và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản và đem đi bán nên phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả nên được Hội đồng xử xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bà nội của bị cáo S là người có công với Nhà nước nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Xét thấy, 02 chìa khoá (Cờ lê) 13 là công cụ của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ

[8] Đối với anh Huỳnh Hữu T2, mua các bình ắc quy do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng anh T2 không biết đây là tài sản trộm nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T2.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn P, Lê Văn P2 và Trần Huy B1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P 01 (Một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2024.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn P2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 58, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Huy B1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ 02 chìa khoá (Cờ lê) 13.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, chị Lê Thị Bé L, chị Đặng Trinh N1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;
- CAND huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Ngoan